

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--|--------------|
| Thông tin chung | 1 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 |
| Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ | 3 - 4 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ | 5 - 7 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ | 8 - 9 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ | 10 - 11 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ | 12 - 44 |

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 được cấp ngày 1 tháng 6 năm 2023.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Công ty (bao gồm Văn phòng Công ty và chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật) có trụ sở tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|------------------------|------------|
| Ông Nguyễn Quang Quyền | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Văn Quyền | Thành viên |
| Ông Hồ Văn Trung | Thành viên |
| Ông Lê Tuấn Hải | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Da | Thành viên |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|----------------------------|------------|
| Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương | Trưởng ban |
| Bà Trần Nguyễn Khánh Linh | Thành viên |
| Bà Lai Lệ Hương | Thành viên |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|-----------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Văn Quyền | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Mạnh Cường | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Thanh Hải | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Bùi Hoàng | Phó Tổng Giám đốc |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Quyền, Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 12828659/66923223/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) và công ty con được lập ngày 15 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thái Thanh
Phó Tổng Giám đốc Cấp cao
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0402-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 |
|------------|--|-------------|--------------------------|---------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 357.980.586.884 | 370.359.062.235 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 4 | 74.239.911.271 | 109.112.407.311 |
| 111 | 1. Tiền | | 11.639.911.271 | 79.112.407.311 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 62.600.000.000 | 30.000.000.000 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | 5.800.000.000 | 95.500.000.000 |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5.1 | 5.800.000.000 | 95.500.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 272.712.450.800 | 157.022.463.066 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 6.1 | 204.837.625.668 | 136.826.747.355 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 6.2 | 51.316.451.228 | 352.500.000 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 25 | 15.000.000.000 | 17.000.000.000 |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | 7 | 4.387.640.408 | 4.476.557.709 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (2.829.266.504) | (1.633.341.998) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 8 | 4.275.342.528 | 4.071.441.749 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 4.275.342.528 | 4.071.441.749 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 952.882.285 | 4.652.750.109 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 73.200.000 | - |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | - | 4.652.750.109 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 13 | 879.682.285 | - |

NS
 VI
 CH
 -
 /
 /
 /

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 |
|------------|--------------------------------------|-------------|--------------------------|---------------------------|
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 1.183.788.663.543 | 1.224.144.606.926 |
| 220 | I. Tài sản cố định | | 902.918.659.851 | 936.602.839.964 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 9 | 886.035.283.770 | 919.952.702.833 |
| 222 | Nguyên giá | | 2.578.082.439.176 | 2.575.632.618.257 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (1.692.047.155.406) | (1.655.679.915.424) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 10 | 16.883.376.081 | 16.650.137.131 |
| 228 | Nguyên giá | | 23.111.541.618 | 22.445.322.400 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (6.228.165.537) | (5.795.185.269) |
| 240 | II. Tài sản dở dang dài hạn | | 9.037.841.032 | 5.982.088.847 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 11 | 9.037.841.032 | 5.982.088.847 |
| 250 | III. Đầu tư tài chính dài hạn | | 165.201.126.196 | 165.411.939.388 |
| 252 | 1. Đầu tư vào công ty liên kết | 5.2 | 84.032.126.196 | 84.242.939.388 |
| 253 | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 5.3 | 81.169.000.000 | 81.169.000.000 |
| 260 | IV. Tài sản dài hạn khác | | 106.631.036.464 | 116.147.738.727 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | | 2.849.787.087 | 4.173.232.820 |
| 269 | 2. Lợi thế thương mại | 12 | 103.781.249.377 | 111.974.505.907 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 1.541.769.250.427 | 1.594.503.669.161 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 |
|------------|--|-------------|--------------------------|---------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 180.483.324.491 | 220.194.724.418 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 105.483.324.491 | 115.194.724.418 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | | 2.688.516.070 | 5.777.719.983 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 433.367.517 | 432.475.059 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 13 | 29.580.981.266 | 27.300.206.576 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 4.567.471.136 | 11.723.853.359 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | | 1.565.290.156 | 1.953.844.950 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 14 | 3.921.462.230 | 7.571.049.047 |
| 320 | 7. Vay ngắn hạn | 15 | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 16 | 2.726.236.116 | 435.575.444 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 75.000.000.000 | 105.000.000.000 |
| 338 | 1. Vay dài hạn | 15 | 75.000.000.000 | 105.000.000.000 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 1.361.285.925.936 | 1.374.308.944.743 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 17 | 1.361.285.925.936 | 1.374.308.944.743 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 635.000.000.000 | 635.000.000.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 635.000.000.000 | 635.000.000.000 |
| 421 | 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 451.244.998.356 | 462.586.672.545 |
| 421a | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | | 363.336.672.545 | 233.929.600.429 |
| 421b | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | | 87.908.325.811 | 228.657.072.116 |
| 429 | 3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | | 275.040.927.580 | 276.722.272.198 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 1.541.769.250.427 | 1.594.503.669.161 |



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 |
|-------|--|-------------|---|---|
| 01 | 1. Doanh thu bán điện và cung cấp dịch vụ | 19.1 | 239.459.550.235 | 348.443.532.016 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 19.1 | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán điện và cung cấp dịch vụ | 19.1 | 239.459.550.235 | 348.443.532.016 |
| 11 | 4. Giá vốn bán điện và dịch vụ cung cấp | 20 | (84.980.431.388) | (94.649.531.345) |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 154.479.118.847 | 253.794.000.671 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 19.2 | 5.763.754.223 | 3.557.550.816 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 21 | (5.169.452.056) | (9.124.575.116) |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | (5.169.452.056) | (9.124.575.116) |
| 24 | 8. Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 5.2 | (210.813.192) | (190.282.913) |
| 25 | 9. Chi phí bán hàng | | - | - |
| 26 | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 22 | (26.923.770.235) | (24.371.189.411) |
| 30 | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 127.938.837.587 | 223.665.504.047 |
| 31 | 12. Thu nhập khác | | 606.457.368 | 334.446.260 |
| 32 | 13. Chi phí khác | | (620.032.127) | (417.223.116) |
| 40 | 14. Lỗ khác | | (13.574.759) | (82.776.856) |

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 |
|-------|--|-------------|---|---|
| 50 | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 127.925.262.828 | 223.582.727.191 |
| 51 | 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 24.1 | (20.580.259.325) | (33.610.109.109) |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 107.345.003.503 | 189.972.618.082 |
| 61 | 18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | | 87.908.325.811 | 152.725.234.327 |
| 62 | 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | | 19.436.677.692 | 37.247.383.755 |
| 70 | 20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 26 | 1.384 | 2.380 |
| 71 | 21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 26 | 1.384 | 2.380 |



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 |
|-----------|--|-------------|---|---|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Lợi nhuận trước thuế | | 127.925.262.828 | 223.582.727.191 |
| | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| 02 | Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại) | | 45.664.580.130 | 48.106.489.709 |
| 03 | Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) | | 1.195.924.506 | (769.800.000) |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (5.652.951.435) | (3.367.267.903) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 21 | 5.169.452.056 | 9.124.575.116 |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 174.302.268.085 | 276.676.724.113 |
| 09 | Tăng các khoản phải thu | | (64.990.097.025) | (49.618.038.265) |
| 10 | Tăng hàng tồn kho | | (219.415.379) | (214.006.081) |
| 11 | Giảm các khoản phải trả | | (12.673.597.744) | (461.364.038) |
| 12 | Giảm chi phí trả trước | | 1.250.245.733 | 800.038.677 |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (5.471.506.850) | (10.008.037.818) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 13 | (19.065.465.385) | (11.117.845.410) |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (1.695.351.000) | (3.189.730.000) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 71.437.080.435 | 202.867.741.178 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) | | (57.089.249.524) | (351.772.091) |
| 22 | Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ | | 100.010.404 | - |
| 23 | Tiền chi cho vay, mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | (5.800.000.000) | (163.640.000.000) |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 97.500.000.000 | 76.133.720.822 |
| 27 | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 5.334.784.955 | 1.780.544.179 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư | | 40.045.545.835 | (86.077.507.090) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 |
|-------|---|-------------|---|---|
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 34 | Tiền trả nợ gốc vay | | (30.000.000.000) | (53.931.007.496) |
| 36 | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (116.355.122.310) | (63.491.400.000) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính | | (146.355.122.310) | (117.422.407.496) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | (34.872.496.040) | (632.173.408) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | | 109.112.407.311 | 94.607.135.889 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 4 | 74.239.911.271 | 93.974.962.481 |

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 được cấp ngày 1 tháng 6 năm 2023.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty (bao gồm Văn phòng Công ty và chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật) có trụ sở tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 163 người (tại Ngày 31 tháng 12 năm 2022: là 164 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật. Công ty cũng có một công ty con và một công ty liên kết với thông tin chi tiết như sau:

| <i>Tên công ty con</i> | <i>Tỷ lệ lợi ích</i> | <i>Tỷ lệ biểu quyết</i> | <i>Địa chỉ trụ sở chính</i> | <i>Hoạt động chính</i> |
|--|----------------------|-------------------------|---|--|
| Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum | 50,94% | 50,94% | Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam | Sản xuất và kinh doanh điện năng |
| <i>Tên công ty liên kết</i> | <i>Tỷ lệ lợi ích</i> | <i>Tỷ lệ biểu quyết</i> | <i>Địa chỉ trụ sở chính</i> | <i>Hoạt động chính</i> |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 | 49,00% | 49,00% | Tổ dân phố số 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam | Đầu tư và triển khai dự án Nhà máy Thủy điện Thác Bà 2 |

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty và công ty con là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Như được trình bày ở Thuyết minh số 1, tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật và một công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính của Công ty (được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và chi nhánh) và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

| | | |
|--------------------------------------|---|--|
| Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, và công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn bán điện và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|------------------------|-------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 50 năm |
| Máy móc, thiết bị | 5 - 20 năm |
| Phương tiện vận tải | 9 - 15 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 10 năm |
| Tài sản cố định khác | 10 năm |
| Quyền sử dụng đất | 50 năm |
| Phần mềm máy tính | 3 - 5 năm |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ các hợp đồng mua bán điện được Công ty và công ty con ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng công việc đã được thực hiện và xác nhận bởi khách hàng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và công ty con được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện tại và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty và công ty con là sản xuất và kinh doanh điện với doanh thu trong kỳ chiếm trên 98% tổng doanh thu bán điện và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và công ty con đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Công ty và công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
| Tiền mặt | 365.731.766 | 453.237.209 |
| Tiền gửi ngân hàng | 11.274.179.505 | 78.659.170.102 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 62.600.000.000 | 30.000.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 74.239.911.271 | 109.112.407.311 |

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND với kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 4,75%/năm đến 5,5%/năm (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

| | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | |
|--------------------|--------------------------|----------------------|---------------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 5.800.000.000 | 5.800.000.000 | 95.500.000.000 | 95.500.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 5.800.000.000 | 5.800.000.000 | 95.500.000.000 | 95.500.000.000 |

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn 185 ngày và hưởng lãi suất 8,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 6%/năm đến 8,6%/năm).

5.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị tính: VND

Công ty Cổ phần
Đầu tư Thủy điện
Thác Bà 2

| | |
|---|----------------|
| Giá trị đầu tư: | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 84.652.890.000 |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | 84.652.890.000 |
| Phản lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết: | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | (409.950.612) |
| - Phản lỗ từ công ty liên kết | (210.813.192) |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | (620.763.804) |
| Giá trị còn lại: | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 84.242.939.388 |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | 84.032.126.196 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

| | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | | | | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | | | |
|---|--------------------------|-----------------------|----------|----------------|---------------------------|-----------------------|----------|----------------|
| | Tỷ lệ sở hữu | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Tỷ lệ sở hữu | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An (i) | 5% | 48.550.000.000 | - | (i) | 5% | 48.550.000.000 | - | (i) |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (ii) | 0,6% | 32.619.000.000 | - | 47.100.000.000 | 0,6% | 32.619.000.000 | - | 39.000.000.000 |
| TỔNG CỘNG | | 81.169.000.000 | - | | | 81.169.000.000 | - | |

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tương ứng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- (ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết tương ứng 3.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCOM với mức giá giao dịch đóng cửa vào ngày cuối có giao dịch trong tháng 6 năm 2023 là 15.700 VND/cổ phiếu (tháng 12 năm 2022: 13.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|-------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
| Phải thu của khách hàng | 7.172.152.251 | 4.329.241.799 |
| - Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải | 1.840.965.910 | 2.090.965.910 |
| - Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Tây Bắc | 1.063.432.298 | - |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | 4.267.754.043 | 2.238.275.889 |
| Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25) | <u>197.665.473.417</u> | <u>132.497.505.556</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>204.837.625.668</u> | <u>136.826.747.355</u> |
| Dự phòng phải thu khó đòi | (1.840.965.910) | (1.633.341.998) |

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu khó đòi:

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|-----------------------------------|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Số đầu kỳ | 1.633.341.998 | 3.366.397.698 |
| Cộng: Trích lập dự phòng trong kỳ | 544.942.962 | - |
| Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ | <u>(337.319.050)</u> | <u>(769.800.000)</u> |
| Số cuối kỳ | <u>1.840.965.910</u> | <u>2.596.597.698</u> |

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|-------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
| ANDRITZ China Ltd. | 47.577.697.888 | - |
| Công ty TNHH Andritz Việt Nam | 2.116.080.235 | - |
| Các khoản trả trước khác | <u>1.622.673.105</u> | <u>352.500.000</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>51.316.451.228</u> | <u>352.500.000</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
|---|-------------------------------------|--------------------------------------|
| Phải thu tiền cổ tức từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng | 1.455.000.000 | - |
| Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay | 201.876.707 | 1.227.907.439 |
| Ký quỹ mở thư tín dụng, bảo lãnh | - | 97.155.477 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 2.730.763.701 | 3.151.494.793 |
| TỔNG CỘNG | 4.387.640.408 | 4.476.557.709 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Phải thu ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i> | <i>44.383.560</i> | <i>29.342.464</i> |
| <i>Phải thu ngắn hạn khác</i> | <i>4.343.256.848</i> | <i>4.447.215.245</i> |

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> | |
|-------------------------------------|---------------------------------|-----------------|----------------------------------|-----------------|
| | <i>Giá gốc</i> | <i>Dự phòng</i> | <i>Giá gốc</i> | <i>Dự phòng</i> |
| Nguyên liệu, vật liệu | 3.597.957.350 | - | 3.628.206.745 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 335.193.866 | - | 214.308.958 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 342.191.312 | - | 228.926.046 | - |
| TỔNG CỘNG | 4.275.342.528 | - | 4.071.441.749 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

| | <i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i> | <i>Máy móc, thiết bị</i> | <i>Phương tiện vận tải</i> | <i>Thiết bị văn phòng</i> | <i>Tài sản cố định khác</i> | <i>Tổng cộng</i> |
|---------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá: | | | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 1.345.819.754.191 | 1.191.854.794.376 | 30.219.666.724 | 6.787.849.466 | 950.553.500 | 2.575.632.618.257 |
| - Mua trong kỳ | - | 959.308.182 | - | - | - | 959.308.182 |
| - Đầu tư XD/CB hoàn thành | - | - | - | 2.175.604.415 | - | 2.175.604.415 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | (39.300.000) | (645.791.678) | - | - | (685.091.678) |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | <u>1.345.819.754.191</u> | <u>1.192.774.802.558</u> | <u>29.573.875.046</u> | <u>8.963.453.881</u> | <u>950.553.500</u> | <u>2.578.082.439.176</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| <i>Đã khấu hao hết</i> | <i>15.761.323.208</i> | <i>786.645.337.284</i> | <i>10.692.108.964</i> | <i>4.483.621.686</i> | <i>863.399.773</i> | <i>818.445.790.915</i> |
| Giá trị khấu hao lũy kế: | | | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 619.536.552.941 | 1.011.367.532.616 | 18.501.529.560 | 5.342.671.997 | 931.628.310 | 1.655.679.915.424 |
| - Khấu hao trong kỳ | 20.239.216.568 | 15.573.576.197 | 931.171.634 | 306.623.203 | 1.744.058 | 37.052.331.660 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | (39.300.000) | (645.791.678) | - | - | (685.091.678) |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | <u>639.775.769.509</u> | <u>1.026.901.808.813</u> | <u>18.786.909.516</u> | <u>5.649.295.200</u> | <u>933.372.368</u> | <u>1.692.047.155.406</u> |
| Giá trị còn lại: | | | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | <u>726.283.201.250</u> | <u>180.487.261.760</u> | <u>11.718.137.164</u> | <u>1.445.177.469</u> | <u>18.925.190</u> | <u>919.952.702.833</u> |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | <u>706.043.984.682</u> | <u>165.872.993.745</u> | <u>10.786.965.530</u> | <u>3.314.158.681</u> | <u>17.181.132</u> | <u>886.035.283.770</u> |

Công trình nhà máy thủy điện Mường Hum và một số tài sản khác của Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum đang được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các hợp đồng vay như được trình bày ở *Thuyết minh số 15*.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | | |
|--------------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------|
| | <i>Quyền sử dụng đất</i> | <i>Phần mềm máy tính</i> | <i>Tổng cộng</i> |
| Nguyên giá: | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 20.558.322.400 | 1.887.000.000 | 22.445.322.400 |
| - Mua trong kỳ | - | 666.219.218 | 666.219.218 |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | <u>20.558.322.400</u> | <u>2.553.219.218</u> | <u>23.111.541.618</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| <i>Đã khấu hao hết</i> | - | 45.000.000 | 45.000.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 5.160.647.758 | 634.537.511 | 5.795.185.269 |
| - Hao mòn trong kỳ | 205.576.608 | 227.403.660 | 432.980.268 |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | <u>5.366.224.366</u> | <u>861.941.171</u> | <u>6.228.165.537</u> |
| Giá trị còn lại: | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | <u>15.397.674.642</u> | <u>1.252.462.489</u> | <u>16.650.137.131</u> |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | <u>15.192.098.034</u> | <u>1.691.278.047</u> | <u>16.883.376.081</u> |

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---|---------------------------------|----------------------------------|
| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
| Dự án nâng cấp thiết bị tổ máy – NMTĐ Thác Bà | 6.152.848.066 | 3.407.763.107 |
| Dự án nâng cấp thiết bị điện – NMTĐ Thác Bà | 241.972.148 | 241.972.148 |
| Dự án đầu tư thiết bị nâng hạ cánh phai xả tràn – NMTĐ Thác Bà | 127.777.778 | 127.777.778 |
| Dự án nâng cấp thiết bị thông gió – NMTĐ Thác Bà | 57.775.643 | 57.775.643 |
| Chi phí tư vấn, khảo sát, lập báo cáo quy hoạch công trình Thủy điện mở rộng (Mường Hum) | 1.847.050.542 | - |
| Dự án nâng cấp hệ thống quan trắc đập chính, đập tràn, nhà máy – Công trình Thủy điện Thác Bà | - | 1.962.682.407 |
| Khác | 610.416.855 | 184.117.764 |
| TỔNG CỘNG | <u>9.037.841.032</u> | <u>5.982.088.847</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum

| | |
|---------------------------|------------------------|
| Nguyên giá: | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | <u>163.865.130.597</u> |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | <u>163.865.130.597</u> |
| Phân bổ lũy kế: | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 51.890.624.690 |
| - Phân bổ trong kỳ | <u>8.193.256.530</u> |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | <u>60.083.881.220</u> |
| Giá trị còn lại: | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | <u>111.974.505.907</u> |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | <u>103.781.249.377</u> |

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

| | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> | <i>Số phải thu trong kỳ</i> | <i>Số đã thu trong kỳ</i> | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> |
|---|--------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------|
| Thuế phải thu | | | | |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 879.682.285 | - | 879.682.285 |
| TỔNG CỘNG | <u>-</u> | <u>879.682.285</u> | <u>-</u> | <u>879.682.285</u> |
| | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> | <i>Số phải nộp trong kỳ</i> | <i>Số đã nộp trong kỳ</i> | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> |
| Thuế phải nộp | | | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24.2) | 18.255.062.941 | 20.580.259.325 | (19.065.465.385) | 19.769.856.881 |
| Thuế giá trị gia tăng | 3.441.176.355 | 19.198.245.614 | (14.606.139.644) | 8.033.282.325 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.410.563.389 | 1.176.559.274 | (3.587.122.663) | - |
| Thuế tài nguyên | 3.193.403.891 | 19.810.068.473 | (21.264.557.607) | 1.738.914.757 |
| Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước | - | 3.288.406.500 | (3.288.406.500) | - |
| Thuế khác | - | 526.510.110 | (487.582.807) | 38.927.303 |
| TỔNG CỘNG | <u>27.300.206.576</u> | <u>64.580.049.296</u> | <u>(62.299.274.606)</u> | <u>29.580.981.266</u> |

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
|----------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|
| Cổ tức phải trả | 197.041.749 | 184.141.749 |
| Phí bảo vệ môi trường rừng | 3.033.862.416 | 4.598.590.860 |
| Phải trả ngắn hạn khác | <u>690.558.065</u> | <u>2.788.316.438</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>3.921.462.230</u> | <u>7.571.049.047</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào Ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VAY

Đơn vị tính: VND

| | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | | Số phát sinh trong kỳ | | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | |
|-----------------------------------|---------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|--------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn | | | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 | 30.000.000.000 | (30.000.000.000) | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 |
| | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 | 30.000.000.000 | (30.000.000.000) | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 |
| Vay dài hạn | | | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 105.000.000.000 | 105.000.000.000 | - | (30.000.000.000) | 75.000.000.000 | 75.000.000.000 |
| | 105.000.000.000 | 105.000.000.000 | - | (30.000.000.000) | 75.000.000.000 | 75.000.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 165.000.000.000 | 165.000.000.000 | 30.000.000.000 | (60.000.000.000) | 135.000.000.000 | 135.000.000.000 |

Chi tiết khoản vay dài hạn ngân hàng được trình bày như sau:

| Ngân hàng/Hợp đồng vay | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (VND) | Kỳ hạn trả gốc và lãi | Lãi suất trong năm (%/năm) | Hình thức đảm bảo |
|------------------------------------|--------------------------------|--|----------------------------|--|
| Ngân hàng TMCP Shinhan Bank | | | | |
| SHBVN/CMC/212022/HDTD/MHP | 135.000.000.000 | Gốc và lãi vay trả hàng quý, khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 10 tháng 08 năm 2025 | 7% | Công trình nhà máy thủy điện Mường Hum và một số tài sản khác của Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum với giá trị định giá tại thời điểm vay là 552.864.000.000 VND đang được sử dụng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng vay. |

TỔNG CỘNG **135.000.000.000**

Trong đó:

| | |
|-------------------------|----------------|
| Vay dài hạn đến hạn trả | 60.000.000.000 |
| Vay dài hạn | 75.000.000.000 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Số đầu năm | 435.575.444 | 1.195.651.377 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm (Thuyết minh số 17.1) | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| Trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty | - | 500.000.000 |
| Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm | <u>(1.709.339.328)</u> | <u>(3.203.718.328)</u> |
| Số cuối kỳ | <u>2.726.236.116</u> | <u>2.491.933.049</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn cổ phần | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Tổng cộng |
|--|------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 | | | | |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 635.000.000.000 | 333.679.600.429 | 246.773.948.974 | 1.215.453.549.403 |
| - Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | 152.725.234.327 | 37.247.383.755 | 189.972.618.082 |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | (4.000.000.000) | - | (4.000.000.000) |
| - Cổ tức công bố | - | (95.250.000.000) | - | (95.250.000.000) |
| - Trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty | - | (500.000.000) | - | (500.000.000) |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 | <u>635.000.000.000</u> | <u>386.654.834.756</u> | <u>284.021.332.729</u> | <u>1.305.676.167.485</u> |
| Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 | | | | |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 635.000.000.000 | 462.586.672.545 | 276.722.272.198 | 1.374.308.944.743 |
| - Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | 87.908.325.811 | 19.436.677.692 | 107.345.003.503 |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 16) (*) | - | (4.000.000.000) | - | (4.000.000.000) |
| - Cổ tức công bố năm 2022 (*) | - | (95.250.000.000) | (21.118.022.310) | (116.368.022.310) |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 | <u>635.000.000.000</u> | <u>451.244.998.356</u> | <u>275.040.927.580</u> | <u>1.361.285.925.936</u> |

(*) Việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty và chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 của Công ty và công ty con được thực hiện theo Nghị quyết số 411/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 và Nghị quyết số 96/NQ-MHP-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 tương ứng của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà và Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Chi tiết vốn cổ phần

Đơn vị tính: VND

| | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | | | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | | |
|------------------|--------------------------|------------------------|-----------------|---------------------------|------------------------|-----------------|
| | Tổng số | Cổ phiếu thường | Cổ phiếu ưu đãi | Tổng số | Cổ phiếu thường | Cổ phiếu ưu đãi |
| Vốn góp cổ đông | 635.000.000.000 | 635.000.000.000 | - | 635.000.000.000 | 635.000.000.000 | - |
| TỔNG CỘNG | 635.000.000.000 | 635.000.000.000 | - | 635.000.000.000 | 635.000.000.000 | - |

Chi tiết vốn cổ phần tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

| Cổ đông | Vốn cổ phần (VND) | Tỷ lệ (%) |
|--|------------------------|-------------|
| Công ty TNHH Năng lượng R.E.E | 383.651.680.000 | 60,42% |
| Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần | 190.500.000.000 | 30,00% |
| Các cổ đông khác | 60.848.320.000 | 9,58% |
| TỔNG CỘNG | 635.000.000.000 | 100% |

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

| | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 |
|---------------------------------------|---|---|
| Vốn đã góp Số đầu kỳ và số cuối kỳ | 635.000.000.000 | 635.000.000.000 |
| Cổ tức đã công bố | 116.368.022.310 | 95.250.000.000 |
| Cổ tức đã trả | 116.355.122.310 | 63.491.400.000 |

17.4 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

| | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 |
|---|---|---|
| Cổ tức đã công bố trong kỳ Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông | | |
| Cổ tức cho năm 2021: 1.500 VND/cổ phiếu | | 95.250.000.000 |
| Cổ tức cho năm 2022: 1.500 VND/cổ phiếu | 95.250.000.000 | |
| Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ | - | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.5 Cổ phiếu

| | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | |
|---|--------------------------|------------------------|---------------------------|------------------------|
| | Số lượng | VND | Số lượng | VND |
| Cổ phiếu đã được duyệt | 63.500.000 | 635.000.000.000 | 63.500.000 | 635.000.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 63.500.000 | 635.000.000.000 | 63.500.000 | 635.000.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ | 63.500.000 | 635.000.000.000 | 63.500.000 | 635.000.000.000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 63.500.000 | 635.000.000.000 | 63.500.000 | 635.000.000.000 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 63.500.000 | 635.000.000.000 | 63.500.000 | 635.000.000.000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 63.500.000 | 635.000.000.000 | 63.500.000 | 635.000.000.000 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu). Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng Khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TBC.

18. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

| | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 |
|-------------------|--------------------------|---------------------------|
| Ngoại tệ các loại | | |
| - Đô la Mỹ (USD) | 128,7 | 141 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán điện và cung cấp dịch vụ

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Tổng doanh thu | 239.459.550.235 | 348.443.532.016 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Doanh thu bán điện</i> | <i>234.304.855.146</i> | <i>341.322.097.793</i> |
| <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i> | <i>5.154.695.089</i> | <i>7.121.434.223</i> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| Doanh thu thuần | 239.459.550.235 | 348.443.532.016 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Doanh thu đối với bên khác</i> | <i>5.045.604.179</i> | <i>7.039.616.041</i> |
| <i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i> | <i>234.413.946.056</i> | <i>341.403.915.975</i> |

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|------------------------------|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 1.455.000.000 | - |
| Lãi tiền gửi và tiền cho vay | 4.308.754.223 | 3.557.550.816 |
| TỔNG CỘNG | 5.763.754.223 | 3.557.550.816 |

20. GIÁ VỐN BÁN ĐIỆN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---------------------------------|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Giá vốn của hoạt động bán điện | 83.088.219.421 | 92.687.471.310 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 1.892.211.967 | 1.962.060.035 |
| TỔNG CỘNG | 84.980.431.388 | 94.649.531.345 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|------------------|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Chi phí lãi vay | 5.169.452.056 | 9.124.575.116 |
| TỔNG CỘNG | 5.169.452.056 | 9.124.575.116 |

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Chi phí nhân công | 8.461.043.576 | 7.555.217.415 |
| Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại | 9.706.486.284 | 9.541.142.062 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý | 1.141.379.244 | 574.218.419 |
| Trích lập/ (hoàn nhập) dự phòng phải thu | 1.195.924.506 | (769.800.000) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.078.068.279 | 2.801.362.967 |
| Chi phí khác | 4.340.868.346 | 4.669.048.548 |
| TỔNG CỘNG | 26.923.770.235 | 24.371.189.411 |

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.618.667.109 | 1.429.535.831 |
| Chi phí nhân công | 23.524.928.115 | 19.754.939.464 |
| Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại | 45.664.580.130 | 48.120.478.037 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.652.375.651 | 2.801.362.967 |
| Chi phí khác | 38.564.535.525 | 47.063.307.996 |
| TỔNG CỘNG | 112.025.086.530 | 119.169.624.295 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty con của Công ty có nghĩa vụ chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) theo tỉ lệ cho từng nhà máy thủy điện, cụ thể như sau:

Dự án Nhà máy Thủy điện Mường Hum

Mức thuế TNDN áp dụng cho nhà máy này là 10% thu nhập chịu thuế cho đến hết năm 2025. Dự án Nhà máy Thủy điện Mường Hum được miễn thuế TNDN trong 4 năm (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm (từ năm 2018 đến 2026). Mức thuế suất thuế TNDN áp dụng cho kỳ này là 5%.

Dự án Nhà máy Thủy điện Bản Xèo

Mức thuế TNDN áp dụng cho nhà máy này là 10% thu nhập chịu thuế đến năm 2033. Dự án Nhà máy Thủy điện Bản Xèo được miễn thuế TNDN trong 4 năm (từ năm 2020 đến năm 2023) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm (từ năm 2024 đến năm 2032). Thu nhập từ Nhà máy Thủy điện Bản Xèo được miễn thuế trong kỳ này.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|-----------------------------|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | <u>20.580.259.325</u> | <u>33.610.109.109</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>20.580.259.325</u> | <u>33.610.109.109</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 127.925.262.828 | 223.582.727.191 |
| Thuế TNDN theo các mức thuế suất áp dụng cho Công ty và công ty con | 21.439.082.554 | 36.828.712.250 |
| <i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i> | | |
| Phân bổ lợi thế thương mại | 1.638.651.306 | 1.638.651.306 |
| Chi phí không được khấu trừ khác | 173.808.385 | 270.949.936 |
| Điều chỉnh khác do hợp nhất | 42.162.638 | 38.056.583 |
| <i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i> | | |
| Chi phí lãi vay chưa được trừ trong năm trước chuyển sang | (432.729.061) | (1.950.764.541) |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | (291.000.000) | - |
| Thuế TNDN miễn, giảm | (1.989.716.497) | (3.215.496.425) |
| Chi phí thuế TNDN | 20.580.259.325 | 33.610.109.109 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có mối quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và trong kỳ bao gồm:

| <i>STT</i> | <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> |
|------------|---|---------------------------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh | Công ty mẹ cao nhất |
| 2 | Công ty TNHH Năng lượng R.E.E | Công ty mẹ |
| 3 | Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần | Cổ đông lớn |
| 4 | Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 | Công ty liên kết |
| 5 | Công ty Cổ phần Phát triển Điện Đông Dương | Công ty trong cùng tập đoàn |
| 6 | Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Công ty mẹ của cổ đông lớn |
| 7 | Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc – Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Cùng công ty mẹ với cổ đông lớn |

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã được trình bày tại mục Thông tin chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và công ty con với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Đơn vị tính: VND | |
|---|---------------------------------|---|---|---|
| | | | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 |
| Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Công ty mẹ của cổ đông lớn | Doanh thu bán điện | 152.270.828.852 | 341.322.097.793 |
| Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc – Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Cùng công ty mẹ với cổ đông lớn | Doanh thu bán điện | 82.034.026.294 | - |
| Công ty TNHH Năng lượng R.E.E | Công ty mẹ | Cổ tức công bố Cổ tức đã thanh toán | 78.665.689.610 78.665.689.610 | 57.547.752.000 38.365.168.000 |
| Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần | Cổ đông lớn | Cổ tức công bố Cổ tức đã thanh toán | 28.575.000.000 28.575.000.000 | 28.575.000.000 19.050.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 | Công ty liên kết | Doanh thu cung cấp dịch vụ Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát | 109.090.910 120.000.000 | 81.818.182 120.000.000 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Điện Đông Dương | Công ty trong cùng tập đoàn | Thu gốc vay Lãi tiền cho vay phải thu Doanh thu cung cấp dịch vụ | 2.000.000.000 1.057.178.082 163.636.364 | - - - |

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty và công ty con mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty và công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và công ty con do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ kế toán thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

| | | | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---|---------------------------------|------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|
| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
| <i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)</i> | | | | |
| Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Công ty mẹ của cổ đông lớn | Phải thu tiền bán điện | 170.087.984.873 | 132.262.505.556 |
| Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc – Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Cùng công ty mẹ với cổ đông lớn | Phải thu tiền bán điện | 27.397.488.544 | - |
| Công ty Cổ phần Phát triển Điện Đông Dương | Công ty trong cùng tập đoàn | Phải thu về cung cấp dịch vụ | 180.000.000 | 235.000.000 |
| TỔNG CỘNG | | | <u>197.665.473.417</u> | <u>132.497.505.556</u> |
| <i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần Phát triển Điện Đông Dương | Công ty trong cùng tập đoàn | Phải thu lãi tiền cho vay | 44.383.560 | 29.342.464 |
| TỔNG CỘNG | | | <u>44.383.560</u> | <u>29.342.464</u> |
| <i>Phải thu về cho vay (Mã số 135)</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần Phát triển Điện Đông Dương (*) | Công ty trong cùng tập đoàn | Phải thu cho vay | 15.000.000.000 | 17.000.000.000 |
| TỔNG CỘNG | | | <u>15.000.000.000</u> | <u>17.000.000.000</u> |

(*) Đây là khoản tiền mà Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum cho Công ty Cổ phần Phát triển Điện Đông Dương vay để thực hiện thanh toán các khoản công nợ phải trả liên quan đến Nhà máy Thủy điện Nậm Ban 2. Thời hạn của hợp đồng cho vay là 350 ngày, lãi suất 7,2%/năm. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Công ty TNHH Năng lượng R.E.E.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

| Tên | Chức vụ | Đơn vị tính: VND | |
|--------------------------|------------------------------------|---|---|
| | | Thu nhập (*) | |
| | | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 |
| Hội đồng Quản trị | | | |
| Ông Nguyễn Quang Quyền | Chủ tịch HĐQT | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Hồ Văn Trung | Thành viên HĐQT | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Lê Tuấn Hải | Thành viên HĐQT | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Nguyễn Văn Da | Thành viên HĐQT | 36.000.000 | 18.000.000 |
| Ban Tổng Giám đốc | | | |
| Ông Nguyễn Văn Quyền | Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT | 468.000.000 | 468.000.000 |
| Ông Nguyễn Mạnh Cường | Phó Tổng Giám đốc | 287.400.000 | 270.000.000 |
| Ông Nguyễn Thanh Hải | Phó Tổng Giám đốc | 288.800.000 | 285.000.000 |
| Ông Bùi Hoàng | Phó Tổng Giám đốc | 265.800.000 | - |
| TỔNG CỘNG | | 1.454.000.000 | 1.149.000.000 |

(*) Thu nhập bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng.

Thù lao Ban kiểm soát:

| | Đơn vị tính: VND | |
|-----------------------|---|---|
| | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 |
| Thù lao Ban kiểm soát | 96.000.000 | 96.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty và công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (trình bày lại)</i> |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 87.908.325.811 | 152.725.234.327 |
| Quý khen thưởng, phúc lợi được trích lập trong kỳ | - | (1.582.586.080) |
| Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 87.908.325.811 | 151.142.648.247 |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 63.500.000 | 63.500.000 |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 63.500.000 | 63.500.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.384 | 2.380 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 1.384 | 2.380 |

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết số 411/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận của năm 2023 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2023

Yên Bái, Việt Nam

